TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T1
TỈNH T2

Bản án số: 43/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 01/8/2024
V/v: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1 - TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mã Siêu.

2. Ông Vũ Văn Quảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2024/TLST - HNGĐ ngày 26/10/2023 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2014/QĐXX- ST ngày 13/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/224 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Huyền Tr, sinh năm 1988.

2. Bị đơn: Anh Cao Xuân V, sinh năm 1984.

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố số 03, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1958.

- Ông Cao Xuân V1, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2.

(Chị Tr có mặt; anh V, bà T, ông V1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 03/10/2023, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Bùi Huyền Tr trình bày: Chị và anh Cao Xuân V, sinh năm 1984, địa chỉ tại tổ dân phố số 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 kết hôn

với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T1 vào ngày 19/04/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T1 giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Xuân V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là Cao Quý Tr, sinh ngày 11/10/2010; Cao Minh V, sinh ngày 19/6/2012. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Chị có yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị hàng tháng là 2.500.000đồng/01con, hai con là 5.000.000đồng/01 tháng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh V có tài sản chung là 01 ngôi nhà một tầng diện tích khoảng 68,9m2 công trình phụ khép kín tại thửa đất số 100 (3) tờ bản đồ 21 đo đạc năm 2004 diện tích 68,9m2 địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Nguồn gốc nhà và đất là do bố mẹ chồng chị cho vợ chồng chị. Chị thừa nhận nhà là do bố mẹ chồng chị xây dựng, vợ chồng chị không đóng góp gì. Nhưng nhà gắn liền với đất nên chị yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất trên cho vợ chồng chị. Chị có nguyện vọng được lấy tài sản chung và trả tiền chênh lệch cho anh V theo quy định của pháp luật. Ngoài ra vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung nào khác.

Tại phiên tòa chị Tr đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản gửi Tòa án, chị không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2024 anh Cao Xuân V trình bày: Anh và chị Bùi Huyền Tr, sinh năm 1988, địa chỉ tại tổ dân phố số 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 kết hôn với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 ngày 19/4/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn do tính tình không hợp. Hiện tại anh và chị Tr đã sống ly thân. Nay chị Tr có đơn xin ly hôn anh, xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Anh và chị Tr có hai con chung Cao Quý Tr, sinh ngày 11/10/2010; Cao Minh V, sinh ngày 19/6/2012. Hai con chung đang sống cùng chị Tr. Sau khi ly hôn , anh đồng ý theo nguyện vọng của các con, các con muốn ở với mẹ hoặc với bố thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Theo anh V sau khi kết hôn, cả hai vợ chồng chưa có công ăn việc làm bố mẹ anh có xây cho vợ chồng anh ngôi nhà trên mảnh đất của bố mẹ anh diện tích 68,9m2 tại số nhà 50, đường PA, tổ dân phố số 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Năm 2012 anh có ý định đi nước ngoài nên bố mẹ anh có sang tên mảnh đất cho anh để anh thế chấp vay vốn ngân hàng. Nên khi ly hôn anh không đồng ý chia tài sản. Anh muốn giữ lại cho các con để sau này dù cho các cháu đi đâu thì vẫn còn ngôi nhà đó để các cháu về thăm ông bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T, ông Cao Xuân V1 là bố, mẹ đẻ anh Cao Xuân V trình bày: Về

nguồn gốc thửa đất tại địa chỉ số nhà 50, đường PA, tổ dân phố số 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 là của ông cha của ông Cao Xuân V1 để lại. Sau đó vợ chồng ông bà có tặng cho vợ chồng anh Cao Xuân V và Bùi Huyền Tr vào năm 2011. Do thương vợ chồng anh V, chị Tr khó khăn nên ông bà đã bán đất để lấy tiền xây dựng ngôi nhà như hiện tại cho hai cháu. Sau khi xây nhà vợ chồng ông bà làm hợp đồng tặng cho cho anh V, chị Tr. Nguyên nhân vợ chồng ông bà tặng cho là do thời điểm đó anh V mong muốn đi nước ngoài nhưng không có tiền nên vợ chồng ông bà tặng cho vợ chồng anh V để anh chị làm thủ tục vay vốn nước ngân hàng lấy vốn đi nước ngoài. Toàn bộ chi phí xây dựng ngôi nhà là do ông bà bỏ ra và ông bà không nhớ cụ thể chi phí hết bao nhiêu. Nay chị Tr có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng quan điểm của ông bà là không đồng ý chia tài sản chung của anh chị vì đó là do vợ chồng ông bà cho đất, sau này anh V sẽ cho lại hai con chung của anh V và chị Tr. Về ngôi nhà ông bà xây dựng thì hiện nay ông bà để cho anh V, sau này ông bà cho các cháu là con của anh V, chị Tr.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với các đương sự chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Bùi Huyền Tr được ly hôn anh Cao Xuân V; Về con chung: Giao hai con chung Cao Quý Tr, sinh ngày 11/10/2010; Cao Minh V, sinh ngày 19/6/2012 cho chị Bùi Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh Cao Xuân V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr hàng tháng là 2.500.000đồng/01con, hai con là 5.000.000đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và công nợ: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Tr về việc chia tài sản chung của vợ chồng ; về án phí: Chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Cao Xuân V có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố số 5, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân

sự, vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị Bùi Huyền Tr và anh Cao Xuân V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

Bị đơn anh Cao Xuân V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Tơ và ông Cao Xuân Vinh vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Huyền Tr và anh Cao Xuân V kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Từ năm 2016 cho đến nay chị Tr và anh V không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Cả chị Tr và anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án xử cho ly hôn. Như vậy hôn nhân của chị Tr và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Huyền Tr được ly hôn anh Cao Xuân V.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Huyền Tr và anh Cao Xuân V có hai con chung là Cao Quý Tr, sinh ngày 11/10/2010; Cao Minh V, sinh ngày 19/6/2012. Chị Tr có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, hai con chung có nguyện vọng xin được ở cùng mẹ. Anh V cũng đồng ý với nguyện vọng của con chung. Vì vậy, để tạo điều kiện cho việc chăm sóc và học tập ổn định của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao hai con chung Cao Quý Tr; Cao Minh V cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Tr có yêu cầu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị hàng tháng là 2.500.000đồng/01con, hai con là 5.000.000đồng/01 tháng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là cần thiết để đảm bảo quyền lợi cho con chung, các bên không thống nhất được việc cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương cơ sở buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr hàng tháng là 2.340.000 đồng/01con, hai con là 4.680.000đồng/01 tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung:

[2.3.1] Chị Tr xác nhận tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 ngôi nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín diện tích 71,6m^2 xây dựng trên diện tích đất 68,9m^2 tại thửa 100 (3) tờ bản đồ số 21 đo đạc năm 2004 (được công nhận Quyền sử dụng đất của chị Tr và anh V) và diện tích đất 2,4m2 tại thửa 100 , tờ bản đồ số 21 đo đạc năm 2004 (thuộc quyền sử dụng của ông V1, bà T) tại số nhà 50, phố PA, tổ dân phố số 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Quyền sử dụng đất tại thửa 100 (3) tờ bản đồ số 21 đo đạc năm 2004 có diện tích 68,9m2. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM794636, số vào sổ CH 03999 mang tên Cao Xuân V và Bùi Huyền Tr. Nguồn gốc nhà và đất là do bố mẹ đẻ anh V tặng cho hai vợ chồng. Ngoài nhà và đất, chị Tr và anh V không còn tài sản gì khác. Tại đơn

khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, Tòa án đã thụ lý yêu cầu này. Tại phiên tòa hôm nay chị Tr rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của chị Tr là tự nguyện. Vì vậy, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của chị Tr về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

[2.4]. Về công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

[2.5]. Về án phí:

- Chị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

- Anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

[2.6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Huyền Tr được ly hôn anh Cao Xuân V.

2. Về con chung: Giao hai con chung Cao Quý Tr, sinh ngày 11/10/2010; Cao Minh V, sinh ngày 19/6/2012 cho chị Bùi Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Cao Xuân V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr hàng tháng là 2.340.000 đồng/01con, hai con là 4.680.000đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Cao Xuân V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Bùi Huyền Tr về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

4. Về án phí:

- Chị Bùi Huyền Tr phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) chị Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1 theo biên lai thu số 0002517 ngày 26/10/2023. Trả lại chị Tr số tiền 11.700.000đồng (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Anh Cao Xuân V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con con chung.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/8/2024).

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T1;
- Phòng KTNV và THAHS Tòa án nhân dân tỉnh T2
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T1 (ĐKKH số 19 ngày 19/4/2010;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Ngọc Huyền